

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/06/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng
Ông Tạ Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2021/TLST- HNGĐ ngày 24/03/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Vòng Mênh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 25/2, khu 5, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(bà M và ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Đinh Thị M trình bày:

Bà và ông Vòng Mênh H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau. Ông Vòng Mênh H đi hợp tác lao động tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể. Trước khi đi lao động tại Đài Loan, ông H cư trú cùng mẹ ruột là bà Phù Cống K tại địa chỉ: 25/2, khu 5,

ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông Vòng Mạnh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Vòng Quảng C, sinh ngày 07/7/2011. Ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C. Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vòng Mạnh H vắng mặt suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Căn cứ chứng cứ Tòa án đã thu thập và căn cứ hướng dẫn tại 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị M. Về con chung: Cháu C hiện đang sống ổn định với bà M và có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu C cho bà M chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà M khai không có. Bà M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông H.

[3] Về thẩm quyền: Tại biên bản xác minh ngày 05/11/2020, bà Phù Cống K là mẹ ruột ông H xác nhận ông H đi lao động hợp tác tại Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng bà K không biết rõ địa chỉ cụ thể. Ông H trước khi đi Đài Loan đã cư trú cùng với bà K tại địa chỉ: 25/2, khu 5, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ công Văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà M xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5] Về nội dung: Bà M trình bày, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Bên cạnh đó ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà M chứng tỏ ông H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại công văn số 163/PA08 (D91) ngày 20/4/2021 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Đồng Nai xác định ông Vòng Mên H đã xuất nhập cảnh Việt Nam 03 lần, lần gần nhất xuất cảnh vào ngày 23/02/2018 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất và chưa có thông tin nhập cảnh. Tại biên bản ngày 06/11/2020 thể hiện ông Vòng Mên H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 25/2, khu 5, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và ở cùng với cha mẹ trước khi đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của ông H, ông H vẫn thường xuyên điện thoại cho cha mẹ hỏi thăm. Mẹ ông H đã đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và thông báo cho ông H biết nhưng ông H không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà M. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà M, ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M ly hôn ông H vì hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc.

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên là Vòng Quảng C, sinh ngày 07/7/2011. Bà M xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu C. Cháu C đang ở ổn định với bà M và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cháu C cho bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông H về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị M phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005896 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Vòng Mên H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị M được ly hôn ông Vòng Mạnh H.

+ Về con chung: Giao cháu Vòng Quảng C, sinh ngày 07/7/2011 cho bà Đinh Thị M chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà M chưa yêu cầu ông Vòng Mạnh H cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông H về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị M phải nộp 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005896 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà M, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Bàu Hàm, huyện T (số 111 ngày 13/12/2010).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ký